

Bản án số: 85/2021/HS-PT

Ngày 28 - 9 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thái

Các Thẩm phán: Ông Vũ Văn Mạnh

Bà Lê Thị Bích Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Phương Thao - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa:
Bà Đỗ Thị Ánh Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 70/2021/TLPT-HS, ngày 15 tháng 6 năm 2021 đối với bị cáo Dương Thị T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 14/2021/HS-ST ngày 04 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện S.

Bị cáo có kháng cáo:

Dương Thị T, sinh năm 1964; nơi cư trú: Thôn D, xã Q, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 02/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn M1 (đã chết) và bà Lê Thị L; có chồng Nguyễn Văn V (đã chết) và 02 con, lớn sinh năm 1994, nhỏ sinh năm 1996; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 11/10/2019 đến ngày 20/10/2019 được tại ngoại (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Dương Thị T:

Bà Hoàng Thị N, bà Thái Thị Tố U đều là Luật sư, Văn phòng luật sư A thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội (có mặt).

Bị hại không có kháng cáo, không bị kháng nghị Tòa án có triệu tập:

Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1981; trú tại: Thôn P, xã C, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, không bị kháng nghị Tòa án có triệu tập:

1. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1971, trú tại: Thôn D, xã Q, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

2. Ông Nguyễn Tiến T2, sinh năm 1949, trú tại: Thôn N, xã Q, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

Người làm chứng:

Bà Hoàng Thị C, sinh năm 1952, trú tại: Thôn C, xã Q, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do biết anh Nguyễn Văn M, ở thôn P, xã C, huyện S thường xuyên dùng ô tô tải vận chuyển đồ đất vào ban đêm và có hành vi chở đất từ chân núi T đổ xuống ruộng của các hộ dân đã được thu hồi và giao làm đất ở cho nhân dân, trong đó có hộ nhà bà Hoàng Thị C và hộ anh Nguyễn Văn H đều trú tại thôn N, xã Q. Vì vậy, Dương Thị T đã làm đơn tố cáo anh M gửi đến Công an huyện S và các cơ quan chức năng khác trong tỉnh Vĩnh Phúc với mục đích đe dọa, uy hiếp anh M. Ngày 10/10/2019, T gọi điện thoại cho anh M bảo đến nhà ông Nguyễn Tiến T2 ở thôn N, xã Q để nói chuyện với T về nội dung đơn tố cáo. Khi anh M đến nhà ông T2, anh M ngồi nói chuyện với T tại bàn nước, trong lúc T và anh M nói chuyện thì thỉnh thoảng ông T2 có vào uống nước một lúc xong lại ra vườn làm việc riêng gia đình. Tại đây, T yêu cầu anh M phải bồi thường số tiền 40.000.000đ cho anh H, vì đã đổ đất vào ruộng nhà anh H thì mới để cho anh M yên ổn làm ăn và rút đơn tố cáo. Do điều kiện kinh tế gia đình khó khăn nên anh M nói không có số tiền đó, anh M lo sợ việc T gửi đơn tố cáo đến Công an huyện S và các cơ quan chức năng sẽ ảnh hưởng đến công việc làm ăn kinh tế, gây phiền hà cho mình nên bảo T và ông T2 xem có cách nào tháo gỡ, T bảo anh M phải đưa cho T số tiền 5.000.000đ thì sẽ rút đơn tố cáo mà T đã gửi các cơ quan chức năng trước đó, anh M nói đưa 3.000.000đ nhưng T không đồng ý, anh M hỏi ý kiến ông T2 nhưng ông T2 không muốn liên lụy đến mình nên nói “Biết đâu, tôi chịu các vị. Tôi đâu liên quan gì cái đây mà”. Sau đó, T tiếp tục uy hiếp anh M và nói “Cứ phải năm triệu”, T ép buộc anh M phải đưa cho T số tiền 5.000.000đ thì mới rút đơn tố cáo. Nghe T nói nhất quyết như vậy, anh M lo sợ nên hẹn đến ngày 11/10/2019 sẽ gặp T đưa tiền để T đi rút đơn.

Sau khi về nhà, anh M thấy bức xúc với hành động của T nên ngày 11/10/2019 có đến Công an huyện S, tố cáo hành vi của T và đề nghị giải quyết. Khoảng 13 giờ 15 phút cùng ngày, anh M đi đến quán nước Nobita ở TDP K, thị trấn A, huyện S gặp T như đã hẹn. Trước khi đi gặp anh M, T có đến nhà ông T2 lấy 01 tờ giấy xin rút đơn tố cáo mà trước đó T đã nhờ ông T2 viết hộ

chiều ngày 10/10/2019 (vì T không biết viết). Sau đó T gọi điện thoại cho chị Nguyễn Thị T1, ở thôn D, xã Q nhờ đi xe máy chở T đến quán Nobita gặp anh M. Tại đây, anh M nói với T “Bớt đi tí, năm triệu chúng em làm ăn vất vả lắm”, T không đồng ý và tiếp tục nói uy hiếp anh M “Mày biết vừa rồi tao làm một cái thằng ở G không, đúng hai mươi triệu tao rút đơn, không đệ đơn sai luôn”, anh M nghe tưởng thật nên hỏi lại T “Làm một thằng ở G hai mươi triệu rút đơn á, thằng nào đấy”, T trả lời anh M “Thằng H1”, anh M nghe vậy lo sợ T sẽ làm ảnh hưởng đến công việc làm ăn của mình nên buộc phải lấy số tiền 5.000.000đ trong túi quần ra đưa T. T cầm tiền rồi đưa cho T1 nhờ đếm hộ, T1 đếm tiền xong thì đưa lại cho T cất vào trong 01 chiếc túi vải đang đeo trên người thì ngay lúc này lực lượng Công an huyện S đến bắt quả tang, thu giữ vật chứng gồm: Thu giữ 01 túi vải Dương Thị T đang đeo trên người bên trong có số tiền 5.000.000đ (gồm có 04 tờ tiền loại mệnh giá 500.000đ; 09 tờ tiền loại mệnh giá 200.000đ và 12 tờ 100.000đ), T tự khai nhận đây là số tiền anh M đưa T; 04 chiếc điện thoại di động cũ.

Cùng ngày, T tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 tờ đơn nội dung tố cáo anh M gửi UBND tỉnh Vĩnh Phúc do Dương Thị T ký tên; 01 giấy xin rút đơn tố cáo anh M ghi ngày 11/10/2019 gửi Công an huyện S.

Ngày 20 và 22/11/2019 anh M giao nộp cho Cơ quan điều tra 02 USB màu trắng bên trong có lưu trữ file ghi âm nội dung diễn biến sự việc Dương Thị T có hành vi cưỡng đoạt số tiền 5.000.000đ của anh M và được niêm phong theo đúng quy định.

Ngày 24/12/2019, Cơ quan CSĐT Công an huyện S có Quyết định Trưng cầu giám định số 26 đối với 01 USB chứa file ghi âm cuộc hội thoại ngày 11/10/2019 giữa anh M và T tại quán nước Nobita do anh M giao nộp ngày 20/11/2019. Ngày 04/02/2020, Viện khoa học hình sự - Bộ Công an có văn bản số: 7766/C09-P6, kết luận: Giọng nói của người đàn ông trong đoạn hội thoại là của Nguyễn Văn M và giọng người phụ nữ trong đoạn hội thoại là của Dương Thị T, toàn bộ lời nói, hội thoại của T và M đều được dịch ra thành văn bản.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 19/2020/HS-ST ngày 10/6/2020, TAND huyện S tuyên bố Dương Thị T phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự, xử phạt Dương Thị T mức án 01 năm 03 tháng tù. Sau đó T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án và kêu oan, tố cáo Cơ quan điều tra và VKSND huyện S làm sai lệch hồ sơ vụ án.

Tại Bản án hình sự phúc thẩm số: 91/2020/HS-PT ngày 13/11/2020, TAND tỉnh Vĩnh Phúc đã Quyết định hủy Bản án hình sự sơ thẩm số 19/2020/HS-ST ngày 10/6/2020 của TAND huyện S để điều tra lại.

Với nội dung trên, tại bản án hình sự sơ thẩm số: 14/2021/HS-ST ngày 04 tháng 5 năm 2021 Tòa án nhân dân huyện S đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Dương Thị T phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Phạt bị cáo Dương Thị T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án. Thời gian tạm giữ (từ ngày 11/10/2019 đến ngày 20/10/2019) được trừ vào thời gian chấp hành án.

Ngoài ra quyết định còn xử lý về vật chứng, tuyên án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 06 tháng 5 năm 2021, bị cáo Dương Thị T có đơn kháng cáo với nội dung kêu oan và cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không khách quan khi bị cáo đã mời luật sư và đã làm thủ tục nhưng tòa vẫn xét xử. Việc vắng mặt anh M tại phiên tòa là thiếu khách quan, khi điều tra bổ sung Công an chưa làm rõ được nội dung ghi âm ngày 10 tháng 10, anh M chủ động đề nghị bị cáo nhận tiền là thỏa thuận dân sự chứ bị cáo không phạm tội.

Tại phiên tòa bị cáo thay đổi nội dung kháng cáo là xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc phát biểu về đơn kháng cáo của bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự. Chấp nhận nội dung đơn kháng cáo của bị cáo Dương Thị T, sửa bản án sơ thẩm. Xử phạt bị cáo từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản” nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thử thách từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng, thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo vì bị cáo là người dân tộc thiểu số, nhận thức pháp luật còn hạn chế, tại phiên tòa hôm nay đã nhận thức được hành vi phạm tội của mình nên thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Dương Thị T khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Bản án của Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và thừa nhận Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo là đúng người, đúng tội.

[2] Căn cứ vào lời khai của bị cáo, biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu có trong hồ sơ Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận:

Xuất phát từ động cơ mục đích tư lợi, lợi dụng quyền tố cáo của công dân nên khoảng 13 giờ 00 phút ngày 10/10/2020, tại nhà ông Nguyễn Tiến T2 ở thôn C, xã Q, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc. Bị cáo Dương Thị T đã có hành vi uy hiếp tinh thần và ép buộc anh M phải đưa cho T số tiền là 5.000.000đ thì T sẽ rút đơn tố cáo mà trước đó T đã gửi các cơ quan chức năng. Vào khoảng 13 giờ 15 phút, ngày 11/10/2019, tại quán nước Nobita ở tổ dân phố K, thị trấn A, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc anh M gặp T, trước khi đưa số tiền 5.000.000đ theo yêu cầu của T thì anh M có xin giảm bớt nhưng T không đồng ý và nói “Mày biết vừa rồi tao làm một cái thằng ở G không? Đúng hai mươi triệu tao rút đơn, không đê đơn sai luôn” nghe bị đe dọa nên anh M đưa số tiền 5.000.000đ cho T thì bị Công an huyện S bắt quả tang.

[3] Xét lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ, phù hợp với lời khai của bị hại. Do đó có đủ cơ sở để khẳng định cấp sơ thẩm điều tra, truy tố, xét xử bị cáo Dương Thị T về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội không oan sai.

[4] Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ gây ảnh hưởng tới an toàn xã hội, gây mất trật tự trị an tại địa phương và bất bình trong quần chúng nhân dân nên cần xử lý nghiêm trước pháp luật.

[5] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo; Hội đồng xét xử thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đến tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, để quyết định hình phạt 01 năm 06 tháng tù là phù hợp. Xét thấy tại cấp sơ thẩm bị cáo không thành khẩn khai báo, tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật và đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới nên xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo

[6] Xét kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo; Hội đồng xét xử xét thấy: Tại cấp sơ thẩm bị cáo không nhận tội, tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Xét thấy bị cáo là người dân tộc thiểu số nhận thức pháp luật còn hạn chế, phạm tội lần đầu, trước khi phạm tội là người có nhân thân tốt, bị cáo có nơi cư trú ổn định rõ ràng nên không cần thiết cách phải cách ly bị cáo khỏi xã hội, cho bị cáo được hưởng án treo cải tạo tại địa phương cũng đủ để giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Do vậy chấp nhận kháng cáo của bị cáo, chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[8] Án phí hình sự phúc thẩm bị cáo không phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo Dương Thị T.

Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 14/2021/HS-ST ngày 04 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện S.

Căn cứ khoản 1 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2 và 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử phạt bị cáo Dương Thị T 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Dương Thị T cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc quản lý, giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp bị cáo Dương Thị T có thay đổi về nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật này.

Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Dương Thị T không phải chịu.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện S;
- TAND huyện S;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Công an huyện S;
- THA huyện S;
- UBND xã Q, huyện S
- Bị cáo;
- Lưu HS, Văn phòng, Toà Hình sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Văn Thái